

# TIẾP CẬN NỘI DUNG DẠY HỌC VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG CỦA BANG CALIFORNIA - HOA KÌ

○ THS. NGUYỄN THỊ THU THỦY\*

1. Nghị luận xã hội (NLXH) là thể văn gắn với đời sống thực tiễn của người học ở cả phương diện đề tài và phương thức biểu đạt. Nội dung bài viết phải nêu rõ được sự việc, hiện tượng, vấn đề cần bàn bạc, phải phân tích sâu sắc nội dung và thể hiện được quan điểm của người viết về vấn đề đó. Ý kiến, quan điểm trong bài văn phải tự nhiên, chân thực, phù hợp với vốn sống, cách suy nghĩ và cá tính của người viết. Về mặt hình thức, bài văn nghị luận phải có bố cục mạch lạc, có luận điểm rõ ràng, luận cứ xác thực, lập luận phù hợp. Viết bài văn NLXH, người học được tự nhận thức về cuộc sống, xã hội và thời đại, được rèn luyện tư tưởng, phát triển trí tuệ và nâng cao các năng lực thực tế cho bản thân.

Để hiểu thêm về việc dạy học văn NLXH ở trường phổ thông, chúng tôi đã tìm hiểu nội dung dạy học về một số kiểu bài NLXH trong sách giáo khoa (SGK) và sách giáo viên Ngữ văn phổ thông của bang California (Hoa Kỳ).

## 2. Các kiểu bài NLXH trong SGK Ngữ văn của bang California

Sách giáo khoa Ngữ văn 6 (*Literature - Grade 6*) và SGK Ngữ văn 8 (*Literature - Grade 8*) bang California trình bày nội dung dạy học 5 kiểu bài NLXH: - Bài nghị luận nêu quan điểm (*Opinion Statement at a Glance*); - Bài nghị luận nguyên nhân - kết quả (*Cause -and-Effect Essay at a Glance*); - Bài nghị luận giải quyết vấn đề (*Problem-Solution Essay at a Glance*); - Bài nghị luận so sánh - đối chiếu (*Comparison-and-Contrast Essay at a Glance*); - Bài nghị luận thuyết phục (*Persuasive Essay at a Glance*)

Lớp 6, dạy học nghị luận nguyên nhân - kết quả, nghị luận so sánh đối chiếu và nghị luận nêu quan điểm. Lớp 8, dạy học nghị luận nêu quan điểm, nghị luận giải quyết vấn đề, nghị luận thuyết phục và nghị luận nguyên nhân kết quả. Như vậy, hai kiểu bài nghị luận nêu quan điểm và nghị luận nguyên nhân kết quả được học lại với mức độ nâng cao ở lớp 8.

Bài học về mỗi kiểu bài có các phần cụ thể như sau:

*Mục tiêu bài học ở mỗi kiểu bài đều hướng đến nhiệm vụ rèn luyện kỹ năng: học sinh (HS) viết được một bài văn khoảng 500-700 từ; phân tích được dàn ý của bài văn; luyện cách viết rõ ràng và mạch lạc bằng cách sắp xếp các ý và chuyển ý hiệu quả; đọc và soát lại bản viết phác thảo để có một kết luận vững chắc; trình bày bài văn.*

Như vậy, yêu cầu cần đạt của bài học về kiểu bài là HS sẽ viết được một bài văn hoàn chỉnh khoảng 500-700 từ. Các kỹ năng làm văn như phân tích dàn ý, lập dàn ý, diễn đạt, hành văn được tổ chức luyện tập trực tiếp trong bài học.

*Lí thuyết tổng quan được xem là nội dung cơ bản có tính khái quát cao về kiểu bài. Mỗi kiểu bài được minh họa bằng một mô hình bố cục sinh động, hấp dẫn và một quy chuẩn bài viết ngắn gọn, dễ hiểu.*

*Mục quy chuẩn của bài viết ghi rõ: Một bài nghị luận nêu quan điểm tốt cần: - Nêu rõ vấn đề cần giải quyết và quan điểm của bản thân trong phần mở bài; - Chứng minh quan điểm của mình với các sự kiện, số liệu và lí lẽ; - Hướng tới đối tượng người đọc mà bạn cần thuyết phục; - Lập luận rõ ràng; - Kết luận dứt khoát. Một bài nghị luận nhân quả tốt cần: - Xác định rõ mối quan hệ nhân-quả mà bài đề cập đến; - Cung cấp thông tin đầy đủ; Làm rõ mối quan hệ nhân-quả; - Sắp xếp các tình tiết hợp lí, dùng các từ, cụm từ chuyển ý để làm rõ nguyên nhân-kết quả; - Văn phong phù hợp với đối tượng người đọc; - Khái quát mối quan hệ nhân quả ở đoạn kết bài; - Một bài nghị luận giải quyết vấn đề tốt cần: - Nêu rõ vấn đề cần giải quyết và quan điểm của bản thân trong phần mở bài; - Hướng tới đối tượng người đọc mà bạn cần thuyết phục; - Chứng minh quan điểm của mình với các sự*

\* Trường Đại học sư phạm - Đại học Thái Nguyên

kiện, số liệu và lí lẽ; - Tính đến các quan điểm phản bác hoặc trái chiều; - Lập luận rõ ràng; - Tổng kết lại quan điểm ở kết luận và kêu gọi hành động.

Các tiêu chí trong quy chuẩn bài viết là căn cứ để đánh giá bài luyện viết của HS. Nội dung bài viết thuộc kiến thức, quan điểm và tư duy sáng tạo của mỗi người. Đây cũng là điểm khác với yêu cầu bài viết văn đối với hình thức ra đề bắt buộc, coi trọng đủ ý hơn những yêu cầu về hình thức, cách thức nghị luận.

**Phân tích bài văn mẫu:** SGK đưa ra một bài văn của HS làm ví dụ về kiểu bài và chú giải kết cấu, lập luận, hành văn trong bài văn. Từ việc tri giác trực tiếp văn bản mẫu, HS nắm vững được kiến thức và kĩ năng về kiểu bài.

Một bài văn mẫu hoàn chỉnh với bố cục rõ ràng, câu từ dễ hiểu, gần gũi với tư duy ngôn ngữ của HS phổ thông là điều kiện cần thiết đối với quá trình lĩnh hội kiến thức, kĩ năng của người học. Đề tài được bàn đến trong bài viết có trong thực tế ở trường học, giúp người học có được sự hình dung rất cụ thể về nội dung và hình thức của bài viết.

Hướng dẫn tổ chức cho HS thực hiện chuyên

mục hành động, sách giáo viên đã gợi ý như sau: - Đọc bài văn mẫu, chỉ ra các từ, cụm từ khóa tương ứng với các yêu cầu được đề cập đến trong quy chuẩn bài luận giải quyết vấn đề; - Phân tích cấu trúc bài văn bằng bảng biểu, sơ đồ; - Thảo luận, đánh giá về cách mở bài trong bài luận mẫu và nghĩ một cách mở bài khác; - Chỉ ra các khía cạnh của vấn đề được đưa ra; - Tác giả cho nguyên nhân nào là chính của việc kết bè phái; - Tại sao tác giả lại chọn tập trung vào vấn đề hơn là giải pháp? (2/3 nêu và phân tích vấn đề, 1/3 nêu giải pháp); - Thảo luận: điểm mạnh và điểm yếu của giải pháp thứ 2; chia sẻ kinh nghiệm để có nhiều bạn.

Như vậy, HS không chỉ phân tích dàn ý của bài luận mẫu mà còn đối chiếu với quy chuẩn đánh giá bài viết, vẽ sơ đồ bố cục ý, lí giải cách viết của tác giả, đưa ra các cách viết khác, thảo luận mở rộng, khơi sâu vấn đề. Chuyên mục hành động đã tổ chức cho HS trải nghiệm cả ba cấp độ nhận thức (nhận biết, thông hiểu, vận dụng) để nắm vững những kiến thức, kĩ năng trong bài học.

**Luyện viết bài nghị luận HS** phải thực hiện các công việc cụ thể như: - Trước khi viết: tìm đề

tài trong cuộc sống của bản thân và trong xã hội, tìm trong ngân hàng ý tưởng; - Lập kế hoạch cho bài luận; - Lập luận về vấn đề; - Đưa ra hệ thống ý, viết câu chủ đề; - Nhận biết người đọc; - Tìm dẫn chứng; - Viết bản thảo; - Đọc và kiểm tra lỗi; - Thảo luận với người đọc bài của mình.

**Ôn tập:** - Luyện viết kết luận; - Suy nghĩ và lựa chọn ý.

Trong phần luyện viết kết luận cho bài nghị luận, sách đã hướng dẫn giáo viên gợi ý về tầm quan trọng của phần kết luận, các cách viết kết luận, tiêu chí đánh giá kết luận, từng cặp HS

<p><b>Việc kết bè phái của HS cấp III trong xã hội ngày nay</b></p> <p>Ngày nay, giáo dục ở bậc trung học phổ thông không chỉ là bước đệm cho việc học cao hơn mà còn là thời điểm cho thanh niên khẳng định bản thân, gặp gỡ giao lưu, bắt đầu khám phá và nuôi dưỡng tài năng của mình. Tuy nhiên, bè phái là những trở ngại đối với quá trình phát triển này. Bè phái là một nhóm người có quan hệ xã hội với nhau và bài trừ những người khác. Những nhóm này hình thành dựa trên vẻ ngoài, mức độ giàu có hay chủng tộc, chúng có thể gây hại tới các thành viên trong nhóm hay cả những người mà chúng bài trừ. Những bè phái này phát triển mạnh nhờ vào sự ngụy đột và định kiến, trình độ học vấn và quan hệ xã hội hạn hẹp. Chúng có thể tạo ra những tác động lâu dài về mặt tâm lí.</p> <p>Nếu nói đến việc học hành, bè phái sẽ làm cản trở những hoạt động như công việc nhóm và thảo luận trên lớp. Trong lớp...</p> <p>Việc chia bè phái cũng tạo ra những rào cản về mặt xã hội. Ngay từ các trường mầm non... Những đứa trẻ mà nhìn thế giới qua lăng kính định kiến thường là nguyên nhân của việc chia bè kết phái... Ví dụ, tại một trường điểm nơi mà những HS đến từ những thành phố khác nhau, có gia thế khác nhau, một vài HS có thể phân xát và xa lánh những người khác dựa vào vẻ bề ngoài, trang phục và những vấn đề nhỏ khác. Sự xa lánh này có thể phát triển rất nhanh và tiếp tục trong nhiều năm.</p> <p>Mặc dù khó có thể tin rằng bị xa lánh bởi những đứa trẻ khác có thể mãi mãi để lại vết thương lòng lên một cá nhân, thế nhưng điều này vẫn xảy ra...</p> <p>Thậm chí đối với những người cùng nhóm cũng có thể thấy tác động tiêu cực của việc kết bè phái... Kết bè phái không chỉ xuất hiện ở trong trường học mà còn ở nơi làm việc cũng như trong xã hội...</p> <p>Mặc dù rất nhiều HS muốn loại bỏ việc kết bè phái, nhưng họ cũng không thể tự mình tạo ra sự gắn kết giữa những nhóm khác nhau... Giáo viên không chỉ có nhiệm vụ giảng bài mà về mặt nào đó còn phải hướng dẫn HS cách giao tiếp trong xã hội. Ví dụ, trong lớp tôi học văn học Anh dành cho sinh viên năm thứ 2, giáo viên phân bổ chúng tôi thành các nhóm 4 người vài lần một tuần...</p> <p>Bên ngoài lớp học, giáo viên, HS và cả vấn đề có thể tham dự các buổi họp mà tại đó những người lãnh đạo các nhóm HS sẽ chia sẻ những kinh nghiệm của cá nhân họ với những nhóm riêng và khuyến khích mọi người tham gia những nhóm khác. Nhiều trường phải tổ chức những chương trình chống kết bè phái, trong đó các HS cố gắng thật sự để làm bạn với rất nhiều người khác nhau.</p> <p>Trong một thế giới mà mọi người phải tranh đấu để vượt qua những định kiến và thành kiến của đứa trẻ thích phân biệt và có đặc lợi lại là một vấn đề khác. Để có được một xã hội không thành kiến, cởi mở, thì những đứa trẻ cần được giáo dục ngay từ nhỏ để tôn trọng và hiểu những người xung quanh, không bao giờ được cố định kiến với ai. Tại thời điểm đó, việc kết bè phái trong trường cấp ba sẽ dường như không phải là một vấn đề lớn, nhưng những ảnh hưởng có thể kéo dài mãi về sau. Các HS nên tránh việc kết bè phái và tạo cho người khác cơ hội nhận thức về thế giới như nó vốn có. Xã hội thay đổi tạo nên những cá nhân xuất sắc, nên họ phải được đánh giá và tôn trọng đúng với bản chất họ là ai và họ làm gì.</p>	<p>❶ Xác định vấn đề và giải thích tầm quan trọng của vấn đề</p> <p>❷ Đi sâu vào 1 khía cạnh của vấn đề</p> <p>❸ Xác định nguyên nhân và đưa ra 1 khía cạnh khác của vấn đề</p> <p>❹ Sử dụng các từ liên kết để làm rõ các ý</p> <p>❺ Đưa ra 1 giải pháp kèm ví dụ cụ thể</p> <p>❻ Tác giả nêu lên giải pháp thứ 2 và tính hiệu quả</p> <p>Lựa chọn khác: -Kết hợp giải pháp thứ nhất với các số liệu; -Thảo luận điểm có lợi và bất lợi của giải pháp thứ nhất.</p> <p>❼ Kết luận bằng cách lập luận phù hợp để thuyết phục người đọc làm theo các giải pháp đã nêu.</p>
--	---

đánh giá, thảo luận kết luận của nhau. Còn phần suy ngẫm, HS phân biệt kiểu bài nghị luận đang học với các kiểu bài khác và với truyện đọc.

### 3. Những điểm khác so với nội dung dạy học văn NLXH cấp THCS ở Việt Nam

Cách chia kiểu bài NLXH căn cứ vào mục đích nghị luận (nêu quan điểm, thuyết phục, giải quyết vấn đề, nguyên nhân - kết quả, so sánh - đối chiếu) nhằm rèn luyện năng lực thực tế cho HS đã phát huy giá trị thực tiễn của hoạt động viết văn trong nhà trường phổ thông.

Các kiểu bài được phân chia theo tiêu chí hướng vào kĩ năng thực tế, không chia theo phạm vi đề tài như trong chương trình Ngữ văn phổ thông ở Việt Nam (nghị luận về một tư tưởng đạo lí, nghị luận về một hiện tượng đời sống). Kiểu chia căn cứ vào mục đích nghị luận gắn gũi với kiểu chia theo thao tác nghị luận như trong chương trình Làm văn cải cách ở trường phổ thông Việt Nam trước đây (chứng minh, giải thích, bình luận, phân tích, bình giảng).

Cách khái quát kiến thức bằng sơ đồ bố cục của kiểu bài và quy chuẩn bài viết ở phần *Lí thuyết tổng quan* vừa sinh động, khoa học vừa giúp HS hiểu và ghi nhớ dễ dàng hơn. Mô hình minh họa cho kiểu bài với nhiều màu sắc khác nhau sẽ có tác động rất tích cực tới tư duy của HS. Mỗi mô hình có đặc điểm riêng làm rõ được sự khác biệt giữa các kiểu bài. Ở bài nêu quan điểm, sơ đồ hình khung nhà với những chiếc cột trụ đã nêu bật được vai trò và tầm quan trọng của các luận điểm cần chứng minh cho quan điểm mà người viết đưa ra. Bài nghị luận thuyết phục cần nêu rõ quan điểm nên mô hình khái quát cũng giống bài nghị luận nêu quan điểm. Ở bài nghị luận nguyên nhân - kết quả, mô hình nhấn mạnh vào mối quan hệ nguyên nhân - kết quả, kết quả - nguyên nhân mà bài viết cần giải quyết thấu đáo. Ở bài nghị luận giải quyết vấn đề, mô hình sử dụng hình ảnh chiếc bóng đèn với ý nghĩa nhấn mạnh nhiệm vụ chính của bài viết là phải đưa ra được cách giải quyết vấn đề sáng rõ, khách quan và thuyết phục. Bài nghị luận so sánh đối chiếu được khái quát bằng mô hình có hai hình tròn giao nhau. Mô hình đã nhấn mạnh nhiệm vụ nghị luận chính trong bài văn là đối chiếu hai đối tượng và giải thích điểm giống và khác nhau. Rèn luyện kĩ năng viết bài so sánh, người viết được rèn luyện thêm về khả năng phân

biệt các sự vật, hiện tượng trong cuộc sống. Tuy mô hình của các kiểu bài không diễn tả hết được nội dung cần trình bày trong bài văn nhưng cách khái quát sinh động như vậy sẽ giúp HS dễ hiểu và dễ vận dụng hơn.

Cách giới thiệu một bài văn mẫu của HS với những chú giải cụ thể về kết cấu, lập luận hành văn giúp HS tri giác cụ thể cách thức nghị luận trong bài viết. Từ đó, HS sẽ chủ động, tự tin hơn khi luyện viết. Các hoạt động nhận thức trong chuyên mục hành động có tác dụng kích thích nhu cầu bộc lộ hiểu biết và sự sáng tạo của HS.

Yêu cầu luyện viết đề cao tính sáng tạo của cá nhân trong việc lựa chọn vấn đề và cách thể hiện. Coi việc tự đánh giá và thảo luận với bạn về kết quả bài luyện viết là hoạt động rèn luyện tích cực để hình thành kĩ năng, kĩ xảo viết bài luận. Việc lựa chọn các kiểu bài NLXH hướng vào mục tiêu rèn luyện năng lực thực tế cho HS như năng lực nhận biết, so sánh, phân tích, đánh giá, giải quyết... các vấn đề từ thực tế cuộc sống xã hội sẽ đem đến nhiều ích lợi cho người học. Người học phải thấy thiết thực, bổ ích và có nhu cầu được tham gia rèn luyện thì dạy học viết văn mới thực hiện hiệu quả mục tiêu của mình. Người học được tự chọn vấn đề nghị luận từ thực tế cuộc sống, xã hội thì mới có hứng thú viết, có kiến thức để viết, đồng thời tính sáng tạo, cảm xúc riêng, cá tính người viết mới được bộc lộ.

4. Xây dựng kiểu bài nghị luận và thiết kế các nội dung dạy học hướng vào rèn luyện kĩ năng và phát triển năng lực, trí tuệ cho người học là vô cùng quan trọng. Kết quả dạy học làm văn chỉ đạt hiệu quả khi nội dung bài học và các hoạt động dạy học kích thích được nhu cầu học tập và sáng tạo của người học, thực sự lôi cuốn được người học.

Nội dung dạy học và hướng dẫn giảng dạy các kiểu bài NLXH trong SGK Ngữ văn phổ thông của bang California đã thể hiện đúng mục tiêu dạy học viết văn và có điểm chung với mục tiêu dạy học viết văn của nhiều nước trên thế giới.

Dạy học viết văn trong nhà trường phổ thông có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với việc rèn luyện và phát triển năng lực, trí tuệ, tư duy sáng tạo ở HS. Việc xây dựng nội dung dạy học,

(Xem tiếp trang 34)

chia:  $429,5 : 2,8 (*)$ . Nhưng chúng ta đã chuyển về phép chia:  $4295 : 28 = 135 \text{ dư } 11$ , hay  $4295 = 135 \times 28 + 11 (**)$ .

Hãy hướng dẫn cho HS nhận xét về mối quan hệ giữa hai phép chia (\*) và (\*\*) trước khi đi đến kết luận về số dư. Ta thấy, phép chia (\*\*) muốn đưa về phép chia (\*) thì ta phải chia cả hai vế cho 10, như vậy số dư ở đây là  $11 : 10 = 1,1$  chứ không phải là 11 và thương vẫn là 135.

Thực tế trong SGK và các sách bài tập Toán 5 nhiều bài yêu cầu HS phải thực hiện một cách thuần thục những phép chia có dư như trên, chẳng hạn (tr 72); Bài tập Toán 5 (tr 28); Luyện giải Toán 5 (tr 24),... Chính vì vậy, việc hình thành cho HS khối 5 quy tắc tìm số dư trong phép chia có dư của số thập phân cho số thập phân hay của số thập phân cho số tự nhiên là một việc làm cần thiết.

3. **Kết luận.** Hướng dẫn quy tắc tìm số dư trong phép chia MSTP cho MSTN hay MSTP cho MSTP là một việc làm cần thiết trong chương trình Toán ở tiểu học. Đặc biệt, việc thống nhất một quy tắc chung để tìm số dư trong các phép chia này có ý nghĩa thực tiễn rất quan trọng đối với GV và HS tiểu học, đặc biệt đối với những SV hệ SP tiểu học - những GV tương lai. Chính vì vậy, trong nội dung chương trình Toán 5 nên có một bài riêng nhằm hình thành kiến thức cho HS về phép chia có dư đó. Với cách đó, GV tiểu học sẽ có một khoảng thời gian giúp HS thông qua hoạt động học tập

để hình thành và chiếm lĩnh kiến thức một cách sâu sắc và hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, trong nội dung chương trình Số học của SV cũng cần được xây dựng những quy tắc đó một cách rõ ràng và nhất quán giúp SV hiểu được bản chất vấn đề. Nhờ đó, phần nào giúp SV bổ sung thêm vốn kiến thức cơ sở để đáp ứng yêu cầu thực tiễn phổ thông và tạo sự tự tin hơn cho những GV tương lai khi bước vào nghề. Ngoài ra, những giảng viên tham gia giảng dạy môn Toán đào tạo GV tiểu học cần chú trọng quan tâm hơn nữa đến việc giúp SV xây dựng và hình thành những kiến thức, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn giảng dạy. □

(1) Trần Diên Hiền (chủ biên). **Toán và phương pháp dạy học toán ở tiểu học** - Dự án phát triển Giáo viên tiểu học. NXB Giáo dục, H. 2006.

#### Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Đình Hoan (chủ biên). **Toán 5**. NXB Giáo dục, H. 2011.
2. Đỗ Đình Hoan (chủ biên). **Bài tập Toán 5**. NXB Giáo dục, H. 2010.
3. Đỗ Đình Hoan (chủ biên). **Luyện giải Toán 5**. NXB Giáo dục, H. 2007.

#### SUMMARY

*Find the balance in the division of a decimal number to a decimal and an integer is a matter that the teacher of primary school were difficult. Within the scope of article, the author proposed ruler to find the balance in the division with the goal of primary school teachers teaching better the part of this knowledge.*

## Tiếp cận nội dung dạy học...

(Tiếp theo trang 31)

hướng dẫn tổ chức dạy học, lựa chọn hệ thống phương pháp, hình thức, phương tiện dạy học như thế nào để phát huy được vai trò của người dạy và sự chủ động, tích cực, sáng tạo của người học là yếu tố mang tính quyết định đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu xã hội. □

#### Tài liệu tham khảo

1. Đinh Cao - Lê A. **Làm văn tập 1**. NXB Giáo dục, H. 1989.
3. Đỗ Ngọc Thống - Phạm Minh Diệu - Nguyễn Thành Thi. **Làm văn**. NXB Đại học sư phạm, H. 2007.
4. Chương - Thi. **Phương pháp nghị luận** (sách dịch). Tủ sách Thanh Nghệ Tĩnh, Thanh Nghệ, 1954.

5. *Literature - Grade 6 - Copyright @ 2008 by McDougal Littell, a division of Houghton Mifflin. All rights reserved.*

6. *Literature - Grade 8 Copyright @ 2008 by McDougal Littell, a division of Houghton Mifflin. All rights reserved.*

7. 顾明远. 语文比较教育, 广西出版社, 中国, 2006.

8. Joy M.Reid. *The Process of Composition*, by Prentice - Hall - Newyork,1982.

#### SUMMARY

*Discursive construction of all types and design of learning content aimed at skills training and capacity development, intellectual education is extremely important. The construction of teaching content, teaching organizational guidelines, system selection methods, forms and means of teaching how to promote the role of teachers and the initiative, positive, of learners is a crucial factor for improving the quality of training, the goal of education and training of human resources to meet social needs.*